

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
TRANSIMEX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 09/VTTMS-2022

Tp. HCM, Ngày 18 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX**

Mã chứng khoán: TOT

Địa chỉ trụ sở chính: 7/1 Bình Thọ, Phường Trường Thọ, TP.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0948666057

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hải Nhật

Địa chỉ: Lô A1,A2,A7, Đường số 1, KCN Bình Chiểu, P.Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 0902868069

Fax: 028.3720 6816

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/03/2022 tại đường dẫn: www.transimextrans.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính năm 2021

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Hải Nhật

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 27

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Chủ tịch
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Đức Nguyên	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Thành viên

GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chí Đức.

Ông Phạm Anh Tuấn được Ông Nguyễn Chí Đức ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 04/UQ.TMS|TRANS.2021 ngày 1 tháng 8 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Transimex ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61712118/22695828

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Transimex (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 8 tháng 3 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.053.591.655	32.199.893.838
110	I. Tiền	4	8.589.988.661	7.362.067.463
111	1. Tiền		8.589.988.661	7.362.067.463
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.878.715.936	21.981.053.797
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	18.078.914.184	17.478.283.036
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.058.461.567	13.038.545
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.400.093.020	4.489.732.216
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(658.752.835)	-
140	III. Hàng tồn kho	7	390.044.872	381.506.715
141	1. Hàng tồn kho		390.044.872	381.506.715
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.194.842.186	2.475.265.863
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.194.842.186	2.195.245.137
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	280.020.726
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.593.864.390	46.100.364.024
210	I. Phải thu dài hạn		246.827.000	220.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	246.827.000	220.000.000
220	II. Tài sản cố định		36.513.713.456	34.129.365.672
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	36.513.713.456	34.124.115.672
222	Nguyên giá		93.249.721.923	86.786.318.068
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.736.008.467)	(52.662.202.396)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	5.250.000
228	Nguyên giá		47.250.000	47.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(47.250.000)	(42.000.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	9.894.818.180
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	9.894.818.180
260	IV. Tài sản dài hạn khác		833.323.934	1.856.180.172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	833.323.934	1.856.180.172
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		74.647.456.045	78.300.257.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.642.002.777	15.413.713.387
310	I. Nợ ngắn hạn		11.642.002.777	15.413.713.387
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	4.858.789.222	5.094.297.859
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	758.967.564	1.382.063.620
314	3. Phải trả người lao động		1.313.695.619	1.485.174.651
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		106.266.568	21.381.214
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	848.149.945	777.567.270
320	6. Vay ngắn hạn	15	3.000.000.000	6.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	756.133.859	653.228.773
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.005.453.268	62.886.544.475
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	63.005.453.268	62.886.544.475
411	1. Vốn cổ phần		54.950.000.000	54.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		54.950.000.000	54.950.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.055.453.268	7.936.544.475
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.090.044.475	528.319.938
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.965.408.793	7.408.224.537
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		74.647.456.045	78.300.257.862

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	18.1	103.297.853.096	90.648.262.321
11	2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	19	(87.552.169.839)	(75.655.665.719)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		15.745.683.257	14.992.596.602
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	20.693.619	32.198.113
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	20	(323.937.908) (297.945.213)	(179.138.314) (157.757.000)
25	6. Chi phí bán hàng		(30.600.000)	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(11.842.548.005)	(8.664.505.091)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.569.290.963	6.181.151.310
31	9. Thu nhập khác	22	3.324.645.113	3.793.636.366
32	10. Chi phí khác	22	(872.639.138)	-
40	11. Lợi nhuận khác	22	2.452.005.975	3.793.636.366
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.021.296.938	9.974.787.676
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(1.298.012.605)	(1.396.470.275)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.723.284.333	8.578.317.401
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.3	722	1.348
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.3	722	1.348

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

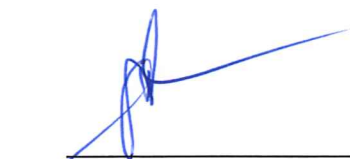
VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.021.296.938	9.974.787.676
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	7.510.470.396	6.426.444.372
03	Các khoản dự phòng		658.752.835	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.557.057.257)	(3.825.834.479)
06	Chi phí lãi vay	20	297.945.213	157.757.000
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.931.408.125	12.733.154.569
09	Tăng các khoản phải thu		(4.303.221.248)	(6.005.858.971)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(8.538.157)	359.836.477
11	Giảm các khoản phải trả		(219.790.305)	(347.754.464)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.023.259.189	(85.022.720)
13	Lãi đã trả		(287.671.240)	(157.757.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(2.019.220.469)	(168.916.898)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(654.970.454)	(582.864.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.461.255.441	5.744.816.902
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(15.899.520.626)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.536.363.638	3.793.636.366
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		20.693.619	32.198.113
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.557.057.257	(12.073.686.147)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	-	6.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(3.790.391.500)	(2.712.925.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(6.790.391.500)	287.074.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.227.921.198	(6.041.794.745)
60	Tiền đầu năm		7.362.067.463	13.403.862.208
70	Tiền cuối năm	4	8.589.988.661	7.362.067.463


Phạm Đông Đức
Người lập


Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng


Phạm Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 88 (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 65).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa. - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ Đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.648.136.367	1.067.834.231
Tiền gửi ngân hàng	6.941.852.294	6.294.233.232
TỔNG CỘNG	8.589.988.661	7.362.067.463

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	12.301.964.156	12.504.412.848
Phải thu từ bên khác	5.776.950.028	4.973.870.188
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1.698.463.200	861.730.000
Các khách hàng khác	4.078.486.828	4.112.140.188
TỔNG CỘNG	18.078.914.184	17.478.283.036
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(658.752.835)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	17.420.161.349	17.478.283.036

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Ô tô Hàn Quốc	495.200.000	-
Công ty TNHH A.D.A	274.824.000	-
Khách hàng khác	288.437.567	13.038.545
TỔNG CỘNG	1.058.461.567	13.038.545
Trong đó:		
Trả trước các bên khác	1.039.851.107	13.038.545
Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	18.610.460	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	7.400.093.020	4.489.732.216
Chi hộ	4.221.935.698	2.921.082.514
Tạm ứng cho nhân viên	2.280.323.522	1.417.942.702
Ký quỹ, ký cược	173.880.000	150.707.000
Khác	723.953.800	-
Dài hạn	246.827.000	220.000.000
Ký quỹ, ký cược	246.827.000	220.000.000
TỔNG CỘNG	7.646.920.020	4.709.732.216
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	6.810.085.694	4.218.973.136
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	836.834.326	490.759.080

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	390.044.872	381.506.715

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.194.842.186	2.195.245.137
Công cụ, dụng cụ	1.743.976.191	1.633.407.400
Phí bảo hiểm	371.894.071	519.456.607
Khác	78.971.924	42.381.130
Dài hạn	833.323.934	1.856.180.172
Công cụ, dụng cụ	452.401.460	543.505.410
Chi phí bảo trì	380.922.474	1.312.674.762
TỔNG CỘNG	3.028.166.120	4.051.425.309

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quân lý	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	350.000.000	340.000.000	85.830.318.068	266.000.000	86.786.318.068
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành Thanh lý	-	-	9.894.818.180 (3.431.414.325)	-	9.894.818.180 (3.431.414.325)
Số cuối năm	350.000.000	340.000.000	92.293.721.923	266.000.000	93.249.721.923
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	24.732.776.936	266.000.000	24.998.776.936
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(72.916.665)	(143.333.331)	(52.179.952.400)	(266.000.000)	(52.662.202.396)
Khấu hao trong năm Thanh lý	(174.999.996)	(99.999.996)	(7.230.220.404) 3.431.414.325	-	(7.505.220.396) 3.431.414.325
Số cuối năm	(247.916.661)	(243.333.327)	(55.978.758.479)	(266.000.000)	(56.736.008.467)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	277.083.335	196.666.669	33.650.365.668	-	34.124.115.672
Số cuối năm	102.083.339	96.666.673	36.314.963.444	-	36.513.713.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

		VND
		<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>47.250.000</u>	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>	47.250.000	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	(42.000.000)	
Hao mòn trong năm	<u>(5.250.000)</u>	
Số cuối năm	<u>(47.250.000)</u>	
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	<u>5.250.000</u>	
Số cuối năm	<u>-</u>	

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phương tiện vận chuyển	<u>-</u>	<u>9.894.818.180</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH DV TM Xăng dầu An Thịnh Phát	955.279.170	746.448.869
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	571.446.180	36.922.630
Chi nhánh Công ty Cổ phần TM DV Hiệp Tân	520.838.252	211.806.320
Công ty Cổ phần XNK Thủ Đức	-	972.105.000
Công ty TNHH Thương mại KK Petro	-	367.970.000
Khác	<u>2.811.225.620</u>	<u>2.759.045.040</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.858.789.222</u>	<u>5.094.297.859</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên bên khác</i>	4.702.779.486	4.880.444.359
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	156.009.736	213.853.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.352.796.431	1.246.795.407	(2.019.220.469)	580.371.369
Thuế giá trị gia tăng	-	3.005.512.386	(2.852.946.454)	152.565.932
Thuế thu nhập cá nhân	28.985.714	242.143.168	(245.098.619)	26.030.263
Thuế khác	281.475		(281.475)	-
TỔNG CỘNG	1.382.063.620	4.494.450.961	(5.117.547.017)	758.967.564

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ hỗ trợ nhân viên	698.980.000	658.550.051
Trả cổ tức	90.683.000	34.574.500
Tiền cọc	17.160.000	-
Khác	41.326.945	84.442.719
TỔNG CỘNG	848.149.945	777.567.270
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	830.989.945	777.567.270
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	17.160.000	-

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 25)	6.000.000.000	-	(3.000.000.000)	3.000.000.000

Khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Transimex nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Hợp đồng vay số 33/TMS/2020	3.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	653.228.773	66.000.000
Tăng trong năm	757.875.540	1.170.092.864
Giảm trong năm	(654.970.454)	(582.864.091)
Số cuối năm	<u>756.133.859</u>	<u>653.228.773</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	54.950.000.000	3.275.819.938	58.225.819.938
Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.578.317.401	8.578.317.401
Trích lập các quỹ	-	(1.170.092.864)	(1.170.092.864)
Cổ tức đã công bố	-	(2.747.500.000)	(2.747.500.000)
Số cuối năm	<u>54.950.000.000</u>	<u>7.936.544.475</u>	<u>62.886.544.475</u>
Năm nay			
Số đầu năm	54.950.000.000	7.936.544.475	62.886.544.475
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.723.284.333	4.723.284.333
Trích lập các quỹ	-	(757.875.540)	(757.875.540)
Cổ tức đã công bố (*)	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Số cuối năm	<u>54.950.000.000</u>	<u>8.055.453.268</u>	<u>63.005.453.268</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2021 ngày 20 tháng 3 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tại mức 7% mệnh giá. Vào ngày 5 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện phương án chi trả cổ tức này.

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	54.950.000.000	54.950.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	3.846.500.000	2.747.500.000
Cổ tức năm 2020: 700 VND/cổ phiếu (năm 2019: 500 VND/cổ phiếu)	3.846.500.000	2.747.500.000
Cổ tức đã trả trong năm	3.790.391.500	2.712.925.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.3 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	4.723.284.333	8.578.317.401
Trừ: Quý khen thưởng phúc lợi (VND)	<u>(757.875.540)</u>	<u>(1.170.092.864)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.965.408.793	7.408.224.537
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	5.495.000	5.495.000
Lãi cơ bản (VND)	722	1.348
Lãi suy giảm (VND)	722	1.348

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	99.079.422.862	87.120.967.971
Doanh thu dịch vụ khác	<u>4.218.430.234</u>	<u>3.527.294.350</u>
DOANH THU THUẦN	<u>103.297.853.096</u>	<u>90.648.262.321</u>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	79.418.893.151	70.459.325.217
Các bên khác	23.878.959.945	20.188.937.104

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	<u>20.693.619</u>	<u>32.198.113</u>

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	<u>87.552.169.839</u>	<u>75.655.665.719</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	297.945.213	157.757.000
Chi phí khác	25.992.695	21.381.314
TỔNG CỘNG	323.937.908	179.138.314

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	5.135.903.831	5.036.681.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.010.856.646	3.060.964.033
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	658.752.835	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	180.249.996	88.666.665
Khác	856.784.697	478.192.482
TỔNG CỘNG	11.842.548.005	8.664.505.091

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.324.645.113	3.793.636.366
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.536.363.638	3.793.636.366
Thu nhập khác	788.281.475	-
Chi phí khác	(872.639.138)	-
Các khoản phạt	(872.639.138)	-
THU NHẬP KHÁC THUẦN	2.452.005.975	3.793.636.366

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên vật liệu	39.374.864.389	26.311.434.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.077.137.897	33.491.558.361
Chi phí lương nhân viên	17.916.707.630	17.612.540.747
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	7.510.470.396	6.426.444.372
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	658.752.835	-
Khác	856.784.697	478.192.482
TỔNG CỘNG	99.394.717.844	84.320.170.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.211.413.907	1.396.470.275
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	86.598.698	-
TỔNG CỘNG	1.298.012.605	1.396.470.275

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.021.296.938	9.974.787.676
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.204.259.388	1.994.957.535
<i>Điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	86.598.698	-
Chi phí không được trừ	7.154.519	-
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	(598.487.260)
Chi phí thuế TNDN	1.298.012.605	1.396.470.275

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ Trả nợ vay Chi hộ Mua dịch vụ Lãi vay Rút vốn vay	74.478.614.627 3.000.000.000 2.323.343.812 1.358.796.039 197.260.281 -	64.521.225.218 - 2.149.997.296 1.236.401.147 - 6.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Chi hộ	3.138.561.215 793.490.536	3.014.290.908 865.787.000
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Chi hộ	1.587.086.400 189.683.500	103.000.000 6.415.000
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Nhận ký cược, ký quỹ	214.630.909 17.160.000	15.909.091 -
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	34.536.364 -	253.119.145 2.789.500.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Trả nợ vay Lãi vay	- -	3.000.000.000 157.757.000
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	2.789.500.000

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	11.285.460.830	10.632.762.848	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	618.337.886	780.880.000	
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	353.332.190	72.270.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	44.833.250	17.500.000	
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.001.000.000	
			12.301.964.156	12.504.412.848	
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Chi hộ	634.058.812	373.749.197	
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	119.058.500	114.094.883	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	83.717.014	2.915.000	
			836.834.326	490.759.080	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	18.610.460	-	

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	125.895.000	-
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	30.114.736	213.853.500
			156.009.736	213.853.500
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận ký cược, ký quỹ	17.160.000	-
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	3.000.000.000	6.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao và thưởng	<u>510.225.502</u>	<u>487.299.717</u>

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	710.996.333	2.822.652.000
Từ 1 đến 5 năm	-	<u>744.866.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>710.996.333</u>	<u>3.567.518.500</u>

27. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

 Phạm Đông Đức Người lập	 Nguyễn Hải Nhật Kế toán trưởng	 Phạm Anh Tuấn Giám đốc
---	--	---



Ngày 15 tháng 3 năm 2022